

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ M
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 90/2018/HS-ST

Ngày: 16/08/2018

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ M

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:

Thẩm Phán - Chủ tọa phiên tòa: **Bà Phí Thị Hồng Năm**

Các hội thẩm nhân dân: **1/ Ông Nguyễn Văn Khánh**

2/ Bà Nguyễn Thị Mỹ Hạnh

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: **Bà Đoàn Thị Bích**

- Đại diện VKSND Thị xã M tham gia phiên tòa: **Ông Nguyễn Văn Khánh - KSV**

Ngày 16/08/2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã M, tỉnh Đồng Nai mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 105/2018/TLST-HS ngày 26/6/2018 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 97/QĐXXST- HS ngày 06/08/2018 đối với bị cáo:

Lý Thị Biên A, sinh năm 1990, tại Đồng Nai.

HKTT: 112 ấp B, xã C, huyện D, tỉnh Đồng Nai. Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Hoa; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam. Con ông: Lý E, sinh năm 1964, con bà: Huỳnh Thị F, sinh năm 1971. Tiền án: Không. Tiền sự: Không. Bị can A bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ từ ngày 26/02/2018 đến ngày 07/3/2018. Từ ngày 07/3/2018, bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Bắt tạm giam lại ngày 03/08/2018.

(Bị cáo có mặt tại phiên tòa).

***Người bào chữa cho bị cáo A** : Luật sư Trần Thị Mộng G – Văn phòng luật sư Thanh H – Đoàn Luật sư Tỉnh Đồng Nai. (có mặt)

***Nguyên đơn dân sự** : Công ty TNHH Một thành viên I.

Do Ông Nguyễn Thế J, sinh năm 1962 Giám đốc đại diện

Địa chỉ: Số 15 K, khu phố 1, phường L, thị xã M, tỉnh Đồng Nai(vắng mặt)

Người đại diện theo ủy quyền Bà Võ Thị Thanh N, sinh năm 1971.

Địa chỉ: Số 17 K, khu phố 1, phường L, thị xã M, tỉnh Đồng Nai.(vắng mặt)

- Người làm chứng:

1. Ông Nguyễn Thế O, sinh năm 1981.(vắng mặt)

Địa chỉ: Phường P, thị xã M, tỉnh Đồng Nai.

2. Ông Lê Hải Q, sinh năm 1987.(vắng mặt)

Địa chỉ: Khu 10, ấp R, xã S, thị xã M, tỉnh Đồng Nai.

3. Ông Lê Viết U, sinh năm 1980.(vắng mặt)

Địa chỉ: ấp T, xã S, thị xã M, tỉnh Đồng Nai.

4. Ông Chạc Lê V, sinh năm 1978.(vắng mặt)

Địa chỉ: Xã W, thị xã M, tỉnh Đồng Nai.

5. Ông Nguyễn Đức X, sinh năm 1984.(vắng mặt)

Địa chỉ: ấp Y, xã Z, huyện A2, tỉnh Đồng Nai.

6. Ông Nguyễn Văn B2, sinh năm 1969.(vắng mặt)

Địa chỉ: Xã C2, huyện D2, tỉnh Đồng Nai.

7. Ông Trần Ngọc E2, sinh năm 1978.(vắng mặt)

Địa chỉ: Số 15, tổ 15, ấp F2, xã G2, thị xã M, tỉnh Đồng Nai.

8. Ông Nguyễn Xuân H2, sinh năm 1990.(vắng mặt)

Địa chỉ: 123/64 Nguyễn Trung I2, khu phố 4, phường Xuân J2, thị xã M, tỉnh Đồng Nai.

9. Ông Đinh Công K2, sinh năm 1985.(vắng mặt)

Địa chỉ: Y88, khu phố 2, phường P, thị xã M, tỉnh Đồng Nai.

10. Ông Trà Thanh L2, sinh năm 1987.(vắng mặt)

Địa chỉ: Phường P, thị xã M, tỉnh Đồng Nai.

11. Ông Hoàng M2, sinh năm 1966.(vắng mặt)

Địa chỉ: ấp N2, xã O2, thị xã M, tỉnh Đồng Nai.

12. Ông Trần Quang P2, sinh năm 1982.(vắng mặt)

Địa chỉ: ấp G2, xã G2, thị xã M, tỉnh Đồng Nai.

13. Ông Nguyễn Hải Q2, sinh năm 1968.(vắng mặt)

Địa chỉ: Phường Xuân J2, thị xã M, tỉnh Đồng Nai.

14. Ông Nguyễn Văn R2, sinh năm 1988.(vắng mặt)

Địa chỉ: ấp N2, xã O2, thị xã M, tỉnh Đồng Nai.

15. Ông Lai S2, sinh năm 1962.(vắng mặt)

Địa chỉ: 109 K, khu phố 1, phường L, thị xã M, tỉnh Đồng Nai.

16. Ông Nguyễn Văn T2, sinh năm 1986.(vắng mặt).

Địa chỉ: ấp F2, xã G2, thị xã M, tỉnh Đồng Nai.

17. Ông Hoàng Minh U2, sinh năm 1982.(vắng mặt)

Địa chỉ: ấp V2, xã W2, huyện D2, tỉnh Đồng Nai.

18. Bà Huỳnh Thị F, sinh năm 1971.(có mặt)

Địa chỉ: Ấp B, xã C, huyện D, tỉnh Đồng Nai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lý Thị Biên A là nhân viên hợp đồng của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên I do ông Nguyễn Thế J, sinh năm 1962, ngụ tại nhà số 13, trên đường K, thuộc khu phố 1, phường L, thị xã M, tỉnh Đồng Nai làm giám đốc. Hàng ngày, A làm việc từ 03 giờ sáng đến 12 giờ 30 phút thì nghỉ trưa, chiều làm từ 15 giờ đến 21 giờ tối. Công việc của A là trực điện thoại khách gọi đến đặt vé và thu tiền của các tài xế sau khi chở khách đi từ thị xã M lên thành phố X2 và ngược lại. Sau đó, các tài xế giao tiền cho A khi hết ngày làm việc, A chốt sổ và giao tiền lại cho ông J rồi ra về.

Từ ngày 19/02/2018 đến ngày 21/02/2018, lợi dụng sơ hở và lòng tin của ông J trong việc kiểm kê tiền nên A đã chiếm đoạt tiền của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên I, thủ đoạn là sau khi nhận tiền từ các tài xế giao nộp cho A thì A không bàn giao hết cho ông J mà giữ lại một phần số tiền để chiếm đoạt, cụ thể:

- Vào ngày 19/02/2018, A đã thu giữ và chiếm đoạt số tiền do các tài xế giao, như sau:

1.Tài xế Nguyễn Thế O, sinh năm 1981, ngụ tại phường P, thị xã M, tỉnh Đồng Nai giao cho A số tiền 6.420.000đ (Sáu triệu bốn trăm hai mươi ngàn đồng). Số tiền này, A đã chiếm đoạt hết.

2.Tài xế Lê Hải Q, sinh năm 1987, ngụ tại xã S, thị xã M, tỉnh Đồng Nai giao cho A số tiền 4.090.000đ (Bốn triệu không trăm chín mươi ngàn), A chiếm đoạt 2.280.000đ (Hai triệu hai trăm tám mươi ngàn đồng) và giao lại cho ông J 1.810.000đ (Một triệu tám trăm mười ngàn đồng).

Tổng số tiền mà A chiếm đoạt vào ngày 19/02/2018 là 8.700.000đ (Tám triệu bảy trăm ngàn đồng).

- Vào ngày 20/02/2018, A đã thu giữ và chiếm đoạt số tiền do các tài xế giao, như sau:

1. Tài xế Lê Viết U, sinh năm 1980, ngụ tại xã S, thị xã M, tỉnh Đồng Nai giao cho A số tiền 6.350.000đ (Sáu triệu ba trăm năm mươi ngàn đồng). Số tiền này, A đã chiếm đoạt hết.

2. Tài xế Chạc Lê V, sinh năm 1978, ngụ tại xã W, thị xã M, tỉnh Đồng Nai giao cho A số tiền 6.190.000đ (Sáu triệu một trăm chín mươi ngàn đồng), A chiếm đoạt 6.110.000đ (Sáu triệu một trăm mười ngàn đồng) và giao lại cho ông J 80.000đ (Tám mươi ngàn đồng) .

3. Tài xế Nguyễn Đức X, sinh năm 1984, ngụ tại xã Z, huyện A2, tỉnh Đồng Nai giao cho A số tiền 3.700.000đ (Ba triệu bảy trăm ngàn đồng), A

chiếm đoạt 3.180.000đ (Ba triệu một trăm tám mươi ngàn đồng) và giao lại cho ông J 520.000đ (Năm trăm hai mươi ngàn đồng).

4. Tài xế Nguyễn Văn B2, sinh năm 1969, ngụ tại xã C2, huyện D2, tỉnh Đồng Nai giao cho A số tiền 2.040.000đ (Hai triệu không trăm bốn mươi ngàn đồng), A chiếm đoạt 1.080.000đ (Một triệu không trăm tám mươi ngàn đồng) và giao lại cho ông J 960.000đ (Chín trăm sáu mươi ngàn đồng).

5. Tài xế Trần E2, sinh năm 1978, ngụ tại xã G2, thị xã M, tỉnh Đồng Nai giao cho A số tiền 6.080.000đ (Sáu triệu không trăm tám mươi ngàn đồng), A chiếm đoạt 2.180.000đ (Hai triệu một trăm tám mươi ngàn đồng) và giao lại cho ông J 3.900.000đ (Ba triệu chín trăm ngàn đồng).

Tổng số tiền mà A chiếm đoạt vào ngày 20/02/2018 là 18.900.000đ (Mười tám triệu chín trăm ngàn đồng).

- Vào ngày 21/02/2018, A đã thu giữ và chiếm đoạt số tiền do các tài xế giao, như sau:

1. Tài xế Nguyễn Xuân H2, sinh năm 1990, ngụ tại phường J2, thị xã M, tỉnh Đồng Nai giao cho A số tiền 4.260.000đ (Bốn triệu hai trăm sáu mươi ngàn đồng), A chiếm đoạt 2.080.000đ (Hai triệu không trăm tám mươi ngàn đồng) và giao lại cho ông J 2.180.000đ (Hai triệu một trăm tám mươi ngàn đồng).

2. Tài xế Đinh Công K2, sinh năm 1985, ngụ tại khu phố 2, phường P, thị xã M, tỉnh Đồng Nai giao cho A số tiền 4.970.000đ (Bốn triệu chín trăm bảy mươi ngàn đồng), A chiếm đoạt 2.750.000đ (Hai triệu bảy trăm năm mươi ngàn đồng) và giao lại cho ông J 2.220.000đ (Hai triệu hai trăm hai mươi ngàn đồng).

3. Tài xế Trà Thanh L2, sinh năm 1987, ngụ tại phường P, thị xã M, tỉnh Đồng Nai giao cho A số tiền 4.520.000đ (Bốn triệu năm trăm hai mươi ngàn đồng), A chiếm đoạt 2.760.000 (Hai triệu bảy trăm sáu mươi ngàn đồng) và giao lại cho ông J 1.760.000đ (Một triệu bảy trăm sáu mươi ngàn đồng).

4. Tài xế Hoàng M2, sinh năm 1966, ngụ tại xã O2, thị xã M, tỉnh Đồng Nai giao cho A số tiền 4.280.000đ (Bốn triệu hai trăm tám mươi ngàn đồng), A chiếm đoạt 2.960.000đ (Hai triệu chín trăm sáu mươi ngàn đồng) và giao lại cho ông J 1.320.000đ (Một triệu hai trăm ba mươi ngàn đồng).

5. Tài xế Trần Quang P2, sinh năm 1982, ngụ tại ấp G2, xã G2, thị xã M, tỉnh Đồng Nai giao cho A số tiền 3.040.000đ (Ba triệu không trăm bốn mươi ngàn đồng). Số tiền này, A chiếm đoạt hết.

6. Tài xế Nguyễn Hải Q2, sinh năm 1968, ngụ tại phường Xuân J2, thị xã M, tỉnh Đồng Nai giao cho A số tiền 5.440.000đ (Năm triệu bốn trăm bốn mươi ngàn đồng), A chiếm đoạt 3.420.000đ (Ba triệu bốn trăm hai mươi ngàn đồng), và giao lại cho ông J 2.020.000đ (Hai triệu không trăm hai mươi ngàn đồng).

7. Tài xế Nguyễn Văn R2, sinh năm 1988, ngụ tại xã O2, thị xã M, tỉnh Đồng Nai giao cho A số tiền 4.340.000đ (Bốn triệu ba trăm bốn mươi ngàn đồng), A chiếm đoạt 1.780.000đ (một triệu bảy trăm tám mươi ngàn đồng) và giao lại cho ông J 2.560.000đ (Hai triệu năm trăm sáu mươi ngàn đồng)

8. Tài xế Lai P2, sinh năm 1962, ngụ tại phường L, thị xã M, tỉnh Đồng

Nai giao cho A số tiền 4.710.000 (Bốn triệu bảy trăm mười ngàn đồng), A chiếm đoạt 430.000đ (Bốn trăm ba mươi ngàn đồng) và giao lại cho ông J 4.280.000đ (Bốn triệu hai trăm tám mươi ngàn đồng).

9. Tài xế Nguyễn Văn T2, sinh năm 1986, ngụ tại xã G2, thị xã M, tỉnh Đồng Nai giao cho A số tiền 6.550.000đ (Sáu triệu năm trăm năm mươi ngàn đồng), A chiếm đoạt 2.270.000đ (Hai triệu hai trăm bảy mươi ngàn đồng) và giao lại cho ông J 4.280.000đ (Bốn triệu hai trăm tám mươi ngàn đồng).

10. Tài xế Lê Viết U, sinh năm 1980, ngụ tại xã S, thị xã M, tỉnh Đồng Nai giao cho A số tiền 3.750.000đ (Ba triệu bảy trăm năm mươi ngàn đồng), A chiếm đoạt 2.920.000đ (Hai triệu chín trăm hai mươi ngàn đồng) và giao lại cho ông J 830.000đ (Tám trăm ba mươi ngàn đồng).

11. Tài xế Hoàng Minh U2, sinh năm 1982, ngụ tại xã W2, huyện D2, tỉnh Đồng Nai giao cho A số tiền 6.260.000đ (Sáu triệu hai trăm sáu mươi ngàn đồng), A chiếm đoạt 1.310.000đ (Một triệu ba trăm mười ngàn đồng) và giao lại cho ông J 4.950.000đ (Bốn triệu chín trăm năm mươi ngàn đồng). Tổng số tiền mà A chiếm đoạt từ ngày 19/02/2018 đến ngày 21/02/2018 là 53.320.000đ (Năm mươi ba triệu ba trăm hai mươi ngàn đồng). Số tiền này A khai dùng trả nợ (do mượn tiền và chơi lô đề) và tiêu xài cá nhân hết. Sau đó, A nghỉ làm việc, bỏ trốn lên thành phố Z2, tỉnh Đắk Lắk. Đến ngày 26/02/2018, thì bị bắt giữ.

* Về vật chứng vụ án:

Đối với số tiền 200.000đ thu giữ trên người A, đây là số tiền riêng của A nên đã tiến hành trả lại cho A.

Tại bản cáo trạng số: 52/CT-VKS-LK ngày 26/6/2018, Viện kiểm sát nhân dân thị xã M đã truy tố bị cáo Lý Thị Biên A về tội : **“Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”** theo điểm c khoản 2 Điều 175 – Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Lý Thị Biên A phạm tội : **“Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”** theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 175 Bộ luật hình sự năm 2015. Về hình phạt: đề nghị áp dụng điểm c khoản 2 điều 175, điểm b,s khoản 1,khoản 2, Điều 51 điểm g khoản 1 Điều 52 BLHS xử phạt bị cáo A từ 2 năm tù đến 2 năm 6 tháng tù .

Về trách nhiệm dân sự: Công ty I đã nhận lại số tiền 53.320.000đ và không có yêu cầu gì thêm.

***Luật sư A3 trình bày :** Về tội danh và điều luật theo cáo trạng truy tố của Viện kiểm sát nhân dân thị xã M đối với bị cáo A thì thống nhất. Hành vi phạm tội của bị cáo là đơn giản, nhất thời phạm tội. Bị cáo và gia đình đã khắc phục hậu quả. Bị cáo đã thành khẩn khai báo ăn năn hối cải. Mẹ bị cáo bị bệnh ung thư. Bị cáo là lao động chính trong gia đình mong HĐXX xem xét giảm nhẹ cho bị cáo khi lượng hình.Viện kiểm sát áp dụng tình tiết phạm tội nhiều lần theo điểm g khoản 1 điều 52 cho bị cáo thì tôi không thống nhất vì theo tôi đã là tình tiết định khung thì không áp dụng thêm tình tiết tăng nặng cho bị cáo.Đề nghị áp dụng điểm b,s khoản 1 khoản 2 Điều 51,Điều 54 và Điều 65 xem xét cho bị cáo xử dưới khung hình phạt, và cho bị cáo hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử(HĐXX) nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa bị cáo khai nhận hành vi phạm tội do mình thực hiện như nội dung bản cáo trạng đã nêu, lời khai nhận tội này phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Do cần tiền để tiêu xài cá nhân và lợi dụng sự tin tưởng của giám đốc công ty I khi bị cáo A được giao nhiệm vụ nhận tiền của tài xế xe sau khi chở khách từ Thành phố X2 về M, sau đó giao lại cho giám đốc. Tuy nhiên khi được quản lý khoản tiền thì bị cáo đã không giao lại và giao không đủ tiền cho công ty nhằm để chiếm đoạt tiền tiêu xài cá nhân. Từ ngày 19/02/2018 đến ngày 21/02/2018 tổng số tiền bị cáo chiếm đoạt là 53.320.000đ. Sau đó, A nghỉ làm việc, bỏ trốn lên thành phố Z2, tỉnh Đắk Lắk. Đến ngày 26/02/2018, thì bị bắt giữ. Do đó, đủ cơ sở kết luận bị cáo Lý Thị Biên A đã phạm tội **“Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”**theo quy định tại khoản 2 Điều 175 Bộ luật hình sự năm 2015 như cáo trạng của Viện kiểm sát là có căn cứ đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3]Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác mà còn gây mất trật tự, trị an tại địa phương. Bị cáo là người trưởng thành, có sức khỏe, nhưng lười lao động thích hưởng thụ nên đã chiếm đoạt tiền của người khác từ đó đưa bị cáo vào con đường phạm tội. Bị cáo chiếm đoạt từ ngày 19/2/2018 đến ngày 21/2/2018 là phạm tội 2 lần trở lên theo quy định tại điểm g khoản 1 điều 52 BLHS.Vì vậy cần áp dụng một mức án tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội nhằm giáo dục bị cáo trở thành người có ích cho xã hội đồng thời răn đe và phòng ngừa chung. Tuy nhiên, xét bị cáo nhân thân tốt, đã thành khẩn khai báo, bị cáo là nữ, là dân tộc Hoa, bị cáo đã tác động gia đình bồi thường trả cho Công ty và đại diện Công ty cũng có đơn xin bãi nại và miễn trách nhiệm hình sự cho bị cáo nên được xem xét giảm nhẹ theo quy định tại các điểm b, s khoản 1, khoản 2 điều 51 bộ luật hình sự. Với các tình tiết giảm nhẹ của bị cáo HĐXX nhận thấy áp dụng điều 54 BLHS xử dưới khung hình phạt cho bị cáo là phù hợp.

[4]Về trách nhiệm dân sự: Công ty I đã nhận lại tài sản, không yêu cầu gì nên không xem xét giải quyết.

[5]Về án phí: Bị cáo A phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[6] Xét quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân thị xã M phù hợp một phần với nhận định trên nên chấp nhận một phần.

[7] Xét quan điểm của luật sư: Luật sư đã thống nhất với tội danh và điều luật như cáo trạng truy tố. Việc luật sư cho rằng áp dụng tình tiết phạm tội 2 lần trở lên theo điểm g khoản 1 điều 52 BLHS cho bị cáo là không phù hợp. Vì bị cáo đã bị truy tố theo điểm c khoản 2 điều 175 BLHS. Xét quan điểm này HĐXX nhận định việc bị cáo phạm tội vào các ngày 19, 20 và 21/2/2018 là phạm tội hai lần trở lên theo điểm g khoản 1 điều 52 BLHS. Đây là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Còn bị cáo bị truy tố theo điểm c khoản 2 điều 175 BLHS do số tiền bị cáo chiếm đoạt là 53.320.000đ. Tại điểm c khoản 2 điều 175 không có tình tiết định khung phạm tội 2 lần trở lên. Đồng thời luật sư đề nghị áp dụng điều 65 cho bị cáo hưởng án treo là không phù hợp theo quy định tại Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 02/2018. Vì vậy đề nghị của Luật sư là không phù hợp nên không chấp nhận. Đối với đề nghị áp dụng điều 54 xử dưới khung hình phạt cho bị cáo phù hợp với nhận định của HĐXX nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: bị cáo **Lý Thị Biên A** phạm tội: **“Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”**

- Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 175; điểm b, s khoản 1, khoản 2, Điều 51, điểm g khoản 1 điều 52, Điều 54 - Bộ Luật hình sự 2015.

- Căn cứ Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTTQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án.

***Xử phạt:** Bị cáo **Lý Thị Biên A** 1(một) năm 6 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 3/8/2018 được khấu trừ thời hạn tạm giữ từ ngày 26/02/2018 đến ngày 07/3/2018.

*** Về án phí:** Bị cáo A phải nộp 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Riêng người đại diện của nguyên đơn dân sự vắng mặt thì quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh;
- Sở tư pháp ĐN;
- VKSND Tỉnh ĐN;
- VKSND TXM;
- CA TXM;
- THA TXM;
- Bị cáo; nguyên đơn dân sự
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Phí Thị Hồng Năm